

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO
BÌ BIÊN HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Ngày 12 tháng 08 năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

**Kính gửi : - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Mã chứng khoán: **SVI**

Địa chỉ trụ sở chính: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 061. 3836121

Fax: 061.3832939

Người thực hiện công bố thông tin: **NGUYỄN HOÀNG**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0909020436

Fax: 061. 3832939

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố :

- Báo cáo tài chính bán niên 2016 đã được soát xét

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 12/08/2015 tại đường dẫn <http://www.sovi.com.vn> vào mục quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính bán niên 2016 đã được soát xét

**Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật/Người CBTT**



NGUYỄN HOÀNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ BIÊN HÒA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	08 - 09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 - 31
<u>Phụ lục 1: Chi tiết số dư các khoản công nợ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016</u>	32

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016.

CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000057 ngày 14 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600648493 ngày 14 tháng 04 năm 2016.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 7, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn đầu tư và vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 128.324.370.000 VND.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Trang Bình	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Ông Lê Quốc Tuyên	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Ông Phạm Văn Điều	Phó Chủ tịch
Ông Trần Hữu Đức	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Ông Đặng Ngọc Diệp	Thành viên
Ông Hoàng Ngọc Lựu	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Ngân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Hữu Đức	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Ông Lý Phát	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2016)
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2016)
Bà Nguyễn Thanh Trúc	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2016)
Ông Nguyễn Văn Toàn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2016)
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2016)

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Quốc Tuyên	Giám đốc
Ông Đặng Ngọc Diệp	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2016)
Ông Trần Trang Bình	Phó Giám đốc
Ông Phạm Văn Điều	Phó Giám đốc
Ông Hà Văn Sơn	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2016)
Bà Nguyễn Thanh Ngân	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2016)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Hội đồng quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Hội đồng quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị



TRẦN TRANG BÌNH

Chủ tịch HĐQT

Đồng Nai, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Số: 17.157/BCSX-RSM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa, được lập ngày 12 tháng 08 năm 2016, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



LỤC THỊ VÂN

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2013-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.3 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ kế toán 06 tháng
kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		511.877.715.823	541.773.547.673
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	118.955.819.152	119.668.750.027
1. Tiền	111		17.955.819.152	34.668.750.027
2. Các khoản tương đương tiền	112		101.000.000.000	85.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		248.101.248.861	288.444.733.715
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.2)	243.881.262.368	281.892.155.608
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	(5.3)	2.767.516.491	4.757.080.439
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.4)	1.898.327.155	2.352.141.984
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(5.5)	(445.857.153)	(556.644.316)
III. Hàng tồn kho	140		141.167.985.970	132.683.672.400
1. Hàng tồn kho	141	(5.6)	141.167.985.970	132.683.672.400
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.652.661.840	976.391.531
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(5.12)	3.585.427.713	976.391.531
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	(5.14)	67.234.127	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		208.904.808.520	217.021.644.749
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.278.576.000	2.278.576.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	(5.4)	2.278.576.000	2.278.576.000
II. Tài sản cố định	220		153.587.992.142	136.674.196.344
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.7)	138.421.922.934	117.984.545.433
Nguyên giá	222		410.121.521.769	375.224.407.061
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(271.699.598.835)	(257.239.861.628)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	(5.8)	15.166.069.208	18.689.650.911
Nguyên giá	225		35.235.817.028	35.235.817.028
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(20.069.747.820)	(16.546.166.117)
3. Tài sản cố định vô hình	227	(5.9)		
Nguyên giá	228		1.471.867.089	1.471.867.089
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.471.867.089)	(1.471.867.089)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		10.158.594.767	35.150.786.292
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	(5.10)	10.158.594.767	35.150.786.292
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.11)	4.000.000.000	4.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.000.000.000	4.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		38.879.645.611	38.918.086.113
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.12)	36.609.037.217	36.829.541.073
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	(5.32)	2.270.608.394	2.088.545.040
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		720.782.524.343	758.795.192.422

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ kế toán 06 tháng
kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		399.904.892.974	464.396.287.029
I. Nợ ngắn hạn	310		352.329.762.203	398.296.316.857
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.13)	127.105.894.406	162.885.662.021
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.203.592	45.034.263
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.14)	5.486.942.990	3.989.318.053
4. Phải trả người lao động	314	(5.15)	23.236.359.585	26.517.076.252
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(5.16)	5.629.096.357	6.720.294.835
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.17)	1.448.040.351	13.987.756.644
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(5.20)	186.459.487.635	174.703.460.565
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(5.18)	2.960.737.287	9.447.714.224
II. Nợ dài hạn	330		47.575.130.771	66.099.970.172
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(5.20)	36.222.088.799	55.657.244.972
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	(5.19)	11.353.041.972	10.442.725.200
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		320.877.631.369	294.398.905.393
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.21.1)	320.877.631.369	294.398.905.393
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.21.2)	128.324.370.000	128.324.370.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(408.640.209)	(408.640.209)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		62.150.500.659	55.660.181.630
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		130.811.400.919	110.822.993.972
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		110.129.186.605	90.629.186.605
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20.682.214.314	20.193.807.367
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		720.782.524.343	758.795.192.422



TRẦN TRANG BÌNH
Chủ tịch HĐQT

Đồng Nai, ngày 12 tháng 08 năm 2016

NGUYỄN HOÀNG
Trưởng BP.Tài chính

TRẦN XUÂN ĐỊNH
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng
kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(5.23)	647.126.652.034	610.121.108.057
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		11.551.420	38.884.350
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		647.115.100.614	610.082.223.707
4. Giá vốn hàng bán	11	(5.24)	564.307.647.207	531.369.857.775
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		82.807.453.407	78.712.365.932
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(5.25)	2.452.658.961	2.016.058.938
7. Chi phí tài chính	22	(5.26)	4.777.219.852	5.720.747.008
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		4.772.175.246	5.139.457.833
8. Chi phí bán hàng	25	(5.27)	31.592.847.731	28.847.081.517
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(5.28)	8.510.766.282	8.824.307.800
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.379.278.503	37.336.288.545
11. Thu nhập khác	31	(5.29)	909.154.508	1.436.565.365
12. Chi phí khác	32		600.565.162	672.765.326
13. Lợi nhuận khác	40		308.589.346	763.800.039
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40.687.867.849	38.100.088.584
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(5.31)	8.418.336.057	4.139.123.675
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(5.32)	(182.063.354)	2.731.303.793
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		32.451.595.146	31.229.661.116
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(5.21.5)	2.154	2.445
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(5.21.6)	2.154	2.037



TRẦN TRĂNG BÌNH

Chủ tịch HĐQT

Đồng Nai, ngày 12 tháng 08 năm 2016

NGUYỄN HOÀNG

Trưởng BP.Tài chính

TRẦN XUÂN ĐỊNH

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ kế toán 06 tháng
kết thúc vào ngày 30/06/2016**Mẫu số B 03a - DN****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		40.687.867.849	38.100.088.584
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		17.983.318.910	15.869.828.905
Các khoản dự phòng	03		799.529.609	441.094.217
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(23.296.893)	157.861.395
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.117.062.807)	(1.975.213.322)
Chi phí lãi vay	06		4.772.175.246	5.139.457.833
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		62.102.531.914	57.733.117.612
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		37.834.772.019	8.852.689.961
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8.484.313.570)	16.180.918.094
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(38.045.306.132)	21.648.794.116
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.388.532.326)	(2.748.268.311)
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.879.041.889)	(5.240.673.729)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.715.512.081)	(5.494.349.282)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(12.466.903.576)	(4.782.890.570)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		27.957.694.359	86.149.337.891
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.488.977.662)	(6.301.675.649)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.282.526.977	1.638.491.096
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.206.450.685)	(4.663.184.553)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng
kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	(5.34)	359.200.109.993	290.243.479.672
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.35)	(363.275.697.094)	(323.087.301.488)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(3.585.256.162)	(3.193.229.989)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.808.137.000)	(10.673.542.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(20.468.980.263)	(46.710.593.805)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(717.736.589)	34.775.559.533
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		119.668.750.027	82.194.459.355
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.805.714	2.868.082
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		118.955.819.152	116.972.886.970



TRẦN TRĂNG BÌNH
Chủ tịch HĐQT

Đồng Nai, ngày 12 tháng 08 năm 2016

NGUYỄN HOÀNG
Trưởng BP.Tài chính

TRẦN XUÂN ĐỊNH
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000057 ngày 14 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600648493 ngày 14 tháng 04 năm 2016.

Ngày 04 tháng 12 năm 2008, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán số 1662/TB-TTLK ngày 04/12/2008. Ngày 22 tháng 12 năm 2008, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Quyết định số 503/QĐ-TTGDHN ngày 09 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Ngày 14 tháng 02 năm 2012, Công ty chính thức hủy niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 31/QĐ-SGDHN. Ngày 12 tháng 03 năm 2012, Công ty chính thức được niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 17/2012/QĐ-SGDHCM ngày 05 tháng 03 năm 2012.

Vốn đầu tư và vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 128.324.370.000 VND, được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	68.803.930.000	54%	68.803.930.000	54%
Đối tượng khác	59.520.440.000	46%	59.520.440.000	46%
Cộng	128.324.370.000	100%	128.324.370.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 7, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 768 (31/12/2015: 787).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất giấy;
- Bán buôn nguyên vật liệu sản xuất bao bì và giấy;
- In ấn.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

3.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2015.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	26.597.669	19.613.629
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.929.221.483	34.649.136.398
Các khoản tương đương tiền	101.000.000.000	85.000.000.000
Cộng	<u>118.955.819.152</u>	<u>119.668.750.027</u>

Tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

5.2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Công ty Liên doanh Unilever Việt Nam	79.324.042.731	67.801.091.142
Các khách hàng khác	164.557.219.637	214.091.064.466
Cộng	<u>243.881.262.368</u>	<u>281.892.155.608</u>

Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan
- Xem thêm mục 5.37:

Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	762.835.161	1.539.029.250
Cộng	<u>762.835.161</u>	<u>1.539.029.250</u>

Giá trị các khoản phải thu đang được thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng là 90 tỷ đồng và 5.000.000 USD - Xem thêm mục 5.20.

5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Sunrise Pacific	-	2.680.800.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Liên Phát	2.130.000.000	1.778.350.000
Các người bán khác	637.516.491	297.930.439
Cộng	<u>2.767.516.491</u>	<u>4.757.080.439</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.4. Phải thu khác**

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu người lao động	241.533.000	-	205.000.000	-
Thuế giá trị gia tăng máy in 3 màu thuê tài chính	1.385.337.325	-	1.710.220.984	-
Dự thu lãi tiền gửi	262.890.830	-	428.355.000	-
Phải thu khác	8.566.000	-	8.566.000	-
Cộng	1.898.327.155	-	2.352.141.984	-
Dài hạn:				
Ký quỹ thuê tài sản thuê tài chính	2.266.476.000	-	2.266.476.000	-
Ký quỹ khác	12.100.000	-	12.100.000	-
Cộng	2.278.576.000	-	2.278.576.000	-

5.5. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	800.576.590	354.719.437	1.074.540.810	517.896.494

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016			Tại ngày 01/01/2016		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Mỹ Đức	308.698.350	111.291.751	Trên 1 năm	308.698.350	120.642.222	Trên 1 năm
Công ty CP Nước Khoáng Vital	173.504.740	86.752.370	Trên 1 năm	423.504.740	211.752.370	Trên 1 năm
Các khách hàng khác	318.373.500	156.675.316	Trên 6 tháng	342.337.720	185.501.902	Trên 6 tháng
Cộng	800.576.590	354.719.437		1.074.540.810	517.896.494	

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	11.380.051.514	-	3.896.454.032	-
Nguyên liệu, vật liệu	117.389.977.963	-	118.133.833.597	-
Công cụ, dụng cụ	151.914.269	-	192.300.533	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.965.348.393	-	4.055.954.010	-
Thành phẩm	8.280.693.831	-	6.405.130.228	-
Cộng	<u>141.167.985.970</u>	<u>-</u>	<u>132.683.672.400</u>	<u>-</u>

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng tại thời điểm cuối kỳ là 3.000.000 USD - Xem thêm mục 5.20.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2016	132.332.192.505	225.467.546.616	10.228.432.316	6.722.539.806	473.695.818	375.224.407.061
Mua trong kỳ	65.751.000	34.695.363.708	136.000.000	-	-	34.897.114.708
Tại ngày 30/06/2016	<u>132.397.943.505</u>	<u>260.162.910.324</u>	<u>10.364.432.316</u>	<u>6.722.539.806</u>	<u>473.695.818</u>	<u>410.121.521.769</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2016	37.517.571.313	203.727.683.161	8.999.698.549	6.544.775.285	450.133.320	257.239.861.628
Khấu hao trong kỳ	2.654.106.268	11.463.951.580	294.706.524	42.910.335	4.062.500	14.459.737.207
Tại ngày 30/06/2016	<u>40.171.677.581</u>	<u>215.191.634.741</u>	<u>9.294.405.073</u>	<u>6.587.685.620</u>	<u>454.195.820</u>	<u>271.699.598.835</u>
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2016	94.814.621.192	21.739.863.455	1.228.733.767	177.764.521	23.562.498	117.984.545.433
Tại ngày 30/06/2016	<u>92.226.265.924</u>	<u>44.971.275.583</u>	<u>1.070.027.243</u>	<u>134.854.186</u>	<u>19.499.998</u>	<u>138.421.922.934</u>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp cho các khoản vay là 145.003.042.725 đồng - Xem thêm mục 5.20.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 238.151.483.007 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.8. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị
	VND
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/01/2016	35.235.817.028
Tại ngày 30/06/2016	<u>35.235.817.028</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/01/2016	16.546.166.117
Khấu hao trong kỳ	3.523.581.703
Tại ngày 30/06/2016	<u>20.069.747.820</u>
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/01/2016	18.689.650.911
Tại ngày 30/06/2016	<u>15.166.069.208</u>

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2016	232.020.000	1.184.179.200	55.667.889	1.471.867.089
Tại ngày 30/06/2016	<u>232.020.000</u>	<u>1.184.179.200</u>	<u>55.667.889</u>	<u>1.471.867.089</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2016	232.020.000	1.184.179.200	55.667.889	1.471.867.089
Tại ngày 30/06/2016	<u>232.020.000</u>	<u>1.184.179.200</u>	<u>55.667.889</u>	<u>1.471.867.089</u>
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2016	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2016	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.471.867.089 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Chi phí đầu tư máy in Offset 6 màu	-	29.907.328.182
Chi phí đầu tư máy gấp dán tự động	8.960.284.544	-
Chi phí đầu tư máy bé Offset	-	4.167.543.110
Chi phí khác	1.198.310.223	1.075.915.000
Cộng	<u>10.158.594.767</u>	<u>35.150.786.292</u>

5.11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Tam Phước với số tiền là 4 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ góp vốn thực tế là 9,39%.

5.12. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc, thiết bị	658.954.583	707.893.152
Công cụ dụng cụ xuất dùng	131.854.274	261.965.044
Chi phí bảo hiểm tài sản	624.985.296	-
Chi phí bảo hộ lao động	1.334.089.781	-
Chi phí thuê đất và phí hạ tầng 2016	296.018.599	-
Các khoản khác	539.525.180	6.533.335
Cộng	<u>3.585.427.713</u>	<u>976.391.531</u>

Dài hạn:

Chi phí thuê đất tại Lô B_6A_CN, KCN Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	34.107.162.619	34.538.898.853
Chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc, thiết bị	1.683.303.841	1.274.277.000
Công cụ dụng cụ xuất dùng	156.495.173	212.396.125
Bản quyền phần mềm Microsoft	633.774.369	781.406.595
Các khoản khác	28.301.215	22.562.500
Cộng	<u>36.609.037.217</u>	<u>36.829.541.073</u>

Chi phí thuê đất tại Lô B_6A_CN, KCN Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương đã dùng để thế chấp cho các khoản vay - Xem thêm mục 5.20.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Giấy Chánh Dương	46.367.743.785	46.367.743.785	42.658.901.615	42.658.901.615
Công ty Cổ Phần Giấy An Bình	21.269.381.650	21.269.381.650	21.929.880.170	21.929.880.170
Công ty TNHH Giấy Vina Kraft	16.664.386.750	16.664.386.750	23.920.203.184	23.920.203.184
Công ty Hiang Seng Fibre Container	6.214.166.957	6.214.166.957	37.192.368.902	37.192.368.902
Phải trả cho các người bán khác	36.590.215.264	36.590.215.264	37.184.308.150	37.184.308.150
Cộng	127.105.894.406	127.105.894.406	162.885.662.021	162.885.662.021

5.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2016		Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại ngày 30/06/2016	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
	VND	VND			VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	888.767.620	10.957.888.714	11.431.101.707	-	415.554.627
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	3.000.093.841	3.000.093.841	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.859.677.897	8.460.284.770	5.715.512.081	-	4.604.450.586
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.240.872.536	6.318.847.873	7.160.016.759	67.234.127	466.937.777
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Cộng	-	3.989.318.053	28.741.115.198	27.310.724.388	67.234.127	5.486.942.990

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.15. Phải trả người lao động**

Là quỹ lương trong kỳ còn phải trả cho người lao động.

5.16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	3.549.797.882	4.333.952.270
Chi phí gia công	250.000.000	139.547.000
Chi phí lãi vay	347.728.077	454.594.720
Chi phí thuế thu nhập cá nhân	551.798.458	790.146.085
Chi phí tiền ăn	405.231.000	519.204.000
Các khoản trích trước khác	524.540.940	482.850.760
Cộng	<u>5.629.096.357</u>	<u>6.720.294.835</u>

5.17. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	80.923.123	9.184.520
Bảo hiểm xã hội	607.271.800	558.828.743
Bảo hiểm y tế	104.957.490	103.154.447
Bảo hiểm thất nghiệp	46.222.400	45.846.420
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	225.872.680	404.323.377
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	12.808.312.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	382.792.858	58.107.137
Cộng	<u>1.448.040.351</u>	<u>13.987.756.644</u>

5.18. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	9.447.714.224	3.926.427.901
Trích lập trong kỳ	5.561.546.639	5.134.891.513
Sử dụng trong kỳ	(12.048.523.576)	(4.158.297.348)
Số dư cuối kỳ	<u>2.960.737.287</u>	<u>4.903.022.066</u>

5.19. Dự phòng phải trả dài hạn

Là khoản dự phòng chênh lệch tăng giá thuê đất và phí hạ tầng phải trả thêm cho Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp do Công ty chưa thống nhất được đơn giá thuê với đơn vị này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.20. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	173.746.219.987	173.746.219.987	353.842.109.993	336.724.800.531	156.628.910.525	156.628.910.525
Vay dài hạn đến hạn trả	5.318.658.864	5.318.658.864	5.318.658.864	10.718.248.870	10.718.248.870	10.718.248.870
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	7.394.608.784	7.394.608.784	3.623.563.776	3.585.256.162	7.356.301.170	7.356.301.170
Cộng	<u>186.459.487.635</u>	<u>186.459.487.635</u>	<u>362.784.332.633</u>	<u>351.028.305.563</u>	<u>174.703.460.565</u>	<u>174.703.460.565</u>
Dài hạn:						
Vay ngân hàng	29.225.115.041	29.225.115.041	5.358.000.000	21.169.592.397	45.036.707.438	45.036.707.422
Nợ thuê tài chính	6.996.973.758	6.996.973.758	-	3.623.563.776	10.620.537.534	10.620.537.550
Cộng	<u>36.222.088.799</u>	<u>36.222.088.799</u>	<u>5.358.000.000</u>	<u>24.793.156.173</u>	<u>55.657.244.972</u>	<u>55.657.244.972</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Các khoản nợ thuê tài chính được chi tiết như sau:

Thời hạn	Kỳ này			Kỳ trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	7.857.996.215	463.387.431	7.394.608.784	7.460.079.581	889.746.353	6.570.333.228
Trên 1 năm đến 5 năm	7.150.212.764	153.239.006	6.996.973.758	13.630.388.569	534.127.025	13.096.261.544
Trên 5 năm	-	-	-	-	-	-
Cộng	15.008.208.979	616.626.437	14.391.582.542	21.090.468.150	1.423.873.378	19.666.594.772

Vay ngắn hạn ngân hàng chủ yếu là các khoản vay chịu lãi suất từ 2,1%/năm đến 4,3%/năm. Các khoản vay này phải thế chấp bằng:

- Giá trị các khoản phải thu là 90 tỷ đồng và 5.000.000 USD - Xem thêm mục 5.2.
- Giá trị hàng tồn kho là 3.000.000 USD - Xem thêm mục 5.6.

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 36 tháng đến 96 tháng với lãi suất được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Số dư nợ gốc đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 34.543.773.905 đồng, trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 5.318.658.864 đồng.

Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Nguyên giá của tài sản cố định là 145.003.042.725 đồng - Xem thêm mục 5.7.
- Chi phí thuê đất tại Lô B_6A_CN, KCN Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thuê lại đất số 42/HDLĐ ngày 24 tháng 02 năm 2011 - Xem thêm mục 5.12.

Nợ thuê tài chính là các khoản thuê tài chính máy in Flexo Sunrise 3 màu, máy in Flexo Sunrise 6 màu, máy đóng gáp dán tự động Buffalo Omega - 28 và máy cắt mẫu Esko Kongsber V24 với thời gian sử dụng ước tính theo hợp đồng thuê tài chính từ 3 năm đến 5 năm. Số dư nợ gốc đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 14.391.582.542 đồng, trong đó nợ thuê tài chính đến hạn trả là 7.394.608.784 đồng - Xem thêm mục 5.38.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.21. Vốn chủ sở hữu****5.21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	106.978.420.000	(408.640.209)	41.794.947.863	123.099.120.951	271.463.848.605
Lãi trong 06 tháng đầu năm trước	-	-	-	31.229.661.116	31.229.661.116
Tạm trích quỹ đầu tư phát triển trong 06 tháng đầu năm trước	-	-	6.245.932.223	(6.245.932.223)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong 06 tháng đầu năm trước	-	-	-	(5.134.891.513)	(5.134.891.513)
Tạm trích quỹ thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong 06 tháng đầu năm trước	-	-	-	(624.593.222)	(624.593.222)
Chia cổ tức 06 tháng đầu năm trước	-	-	-	(10.673.542.000)	(10.673.542.000)
Số dư tại ngày 30/06/2015	106.978.420.000	(408.640.209)	48.040.880.086	131.649.823.109	286.260.482.986
Tăng vốn trong 06 tháng cuối năm trước	21.345.950.000	-	-	(21.345.950.000)	-
Lãi trong 06 tháng cuối năm trước	-	-	-	38.096.507.720	38.096.507.720
Trích quỹ đầu tư phát triển trong 06 tháng cuối năm trước	-	-	7.619.301.544	(7.619.301.544)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong 06 tháng cuối năm trước	-	-	-	(5.714.476.158)	(5.714.476.158)
Trích quỹ thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong 06 tháng cuối năm trước	-	-	-	(761.930.155)	(761.930.155)
Chia cổ tức 06 tháng cuối năm trước	-	-	-	(23.481.679.000)	(23.481.679.000)
Số dư tại ngày 01/01/2016	128.324.370.000	(408.640.209)	55.660.181.630	110.822.993.972	294.398.905.393

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	128.324.370.000	(408.640.209)	55.660.181.630	110.822.993.972	294.398.905.393
Lãi trong 06 tháng đầu năm nay	-	-	-	32.451.595.146	32.451.595.146
Tạm trích quỹ đầu tư phát triển trong 06 tháng đầu năm nay	-	-	6.490.319.029	(6.490.319.029)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong 06 tháng đầu năm nay	-	-	-	(5.561.546.639)	(5.561.546.639)
Tạm trích quỹ thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong 06 tháng đầu năm nay	-	-	-	(649.031.903)	(649.031.903)
Tăng khác trong 06 tháng đầu năm nay	-	-	-	237.709.372	237.709.372
Số dư tại ngày 30/06/2016	128.324.370.000	(408.640.209)	62.150.500.659	130.811.400.919	320.877.631.369

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.21.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Vốn góp của công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	68.803.930.000	68.803.930.000
Vốn góp của các đối tượng khác	59.520.440.000	59.520.440.000
Cộng	<u>128.324.370.000</u>	<u>128.324.370.000</u>

5.21.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
Vốn góp đầu năm	128.324.370.000	106.978.420.000
Vốn góp cuối kỳ	128.324.370.000	106.978.420.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	10.673.542.000

5.21.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.832.437	12.832.437
Số lượng cổ phiếu phổ đã bán ra công chúng	12.832.437	12.832.437
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	24.300	24.300
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	12.808.137	12.808.137
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.		

5.21.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	32.451.595.146	31.229.661.116
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.867.739.272)	(5.134.891.513)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	12.808.137	10.673.542
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	<u>2.154</u>	<u>2.445</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.21.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	32.451.595.146	31.229.661.116
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.867.739.272)	(5.134.891.513)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	12.808.137	10.673.542
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	2.134.595
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>2.154</u>	<u>2.037</u>

5.22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
Ngoại tệ các loại:		
USD	46.555,31	41.926,62
EUR	300	300

5.23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu:		
Doanh thu bán sản phẩm Carton	560.899.464.047	523.357.569.784
Doanh thu bán sản phẩm Offsets	69.458.634.592	70.372.477.805
Doanh thu bán hàng khác	16.768.553.395	16.391.060.468
Cộng	<u>647.126.652.034</u>	<u>610.121.108.057</u>

Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan -
Xem thêm mục 5.37:

Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	3.258.616.430	4.153.242.310
Cộng	<u>3.258.616.430</u>	<u>4.153.242.310</u>

5.24. Giá vốn hàng bán

Chủ yếu là giá vốn thành phẩm đã bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này	Kỳ trước
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.117.062.807	1.975.213.322
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	312.299.261	40.845.616
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	23.296.893	-
Cộng	<u>2.452.658.961</u>	<u>2.016.058.938</u>

5.26. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay ngân hàng	4.772.175.246	5.139.457.833
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.044.606	423.427.780
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	157.861.395
Cộng	<u>4.777.219.852</u>	<u>5.720.747.008</u>

5.27. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nhân viên bán hàng	16.791.616.859	14.631.011.049
Chi phí vận chuyển	14.362.068.516	14.043.142.182
Chi phí khác	439.162.356	172.928.286
Cộng	<u>31.592.847.731</u>	<u>28.847.081.517</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.28. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.570.420.677	4.850.218.192
Chi phí vật liệu quản lý	64.859.325	104.250.293
Chi phí đồ dùng văn phòng	277.123.414	279.856.024
Chi phí khấu hao tài sản cố định	149.585.441	169.047.037
Thuế, phí, lệ phí	84.611.405	79.774.735
Chi phí dự phòng	(110.787.163)	441.094.217
Chi phí dịch vụ mua ngoài	423.605.813	502.585.636
Chi phí bằng tiền khác	2.051.347.370	2.397.481.666
<i>Chi phí bảo hộ lao động</i>	210.000.000	222.099.500
<i>Chi phí tiền ăn</i>	111.288.000	122.584.000
<i>Phí ngân hàng</i>	546.250.247	782.197.445
<i>Chi phí khác</i>	1.183.809.123	1.270.600.721
Cộng	<u>8.510.766.282</u>	<u>8.824.307.800</u>

5.29. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Thu bồi thường	168.490.491	417.378.192
Thu từ bán phế liệu	131.085.442	119.572.435
Thu nhập khác	609.578.575	899.614.738
Cộng	<u>909.154.508</u>	<u>1.436.565.365</u>

5.30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	475.248.741.858	455.121.892.298
Chi phí nhân công	69.751.188.967	56.290.265.734
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.983.318.910	15.869.828.905
Chi phí dự phòng	(110.787.163)	441.094.217
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.870.084.448	26.684.919.676
Chi phí bằng tiền khác	13.453.672.186	12.829.835.047
Cộng	<u>606.196.219.206</u>	<u>567.237.835.877</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	8.418.336.057	4.139.123.675
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	8.418.336.057	4.139.123.675

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	25.025.375.119	38.100.088.584
Lợi nhuận kế toán Chi nhánh Mỹ Phước	15.662.492.730	(12.415.017.243)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.403.812.434	666.953.006
Trừ: Thu nhập chịu thuế suất 22%	-	(2.661.714.610)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	42.091.680.283	23.690.309.737
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	15%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	8.418.336.057	3.553.546.461
Cộng khoản thuế TNDN từ thu nhập chịu thuế suất 22%	-	585.577.214
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	8.418.336.057	4.139.123.675

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế như:

- Khoản chi thực tế phát sinh không liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- Khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

5.32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Công ty và những biến động trong kỳ và năm trước được trình bày như sau:

	Lỗ tính thuế chưa sử dụng VND	Chi phí trích trước VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	4.264.239.354	1.896.860.164	6.161.099.518
Hạch toán là thu nhập trong kết quả kinh doanh trong năm 2015	(4.264.239.354)	191.684.876	(4.072.554.478)
Số dư tại ngày 01/01/2016	-	2.088.545.040	2.088.545.040
Hạch toán là thu nhập trong kết quả kinh doanh trong kỳ từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016	-	182.063.354	182.063.354
Số dư tại ngày 30/06/2016	-	2.270.608.394	2.270.608.394

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.33. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	-	4.008.321.326

5.34. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này
	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	359.200.109.993

5.35. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này
	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(363.275.697.094)

5.36. Báo cáo bộ phận

Theo đánh giá của Hội đồng quản trị Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất, hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động của Công ty hoàn toàn là sản xuất giấy; bán buôn nguyên vật liệu sản xuất bao bì và giấy nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh.
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh tại Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Theo đánh giá của Hội đồng quản trị Công ty, không có sự khác biệt đáng kể về môi trường kinh tế mà có thể ảnh hưởng đến rủi ro và lợi ích kinh tế của các bộ phận theo khu vực địa lý; cũng như chi nhánh nêu trên chưa đủ điều kiện để thuyết minh là một báo cáo bộ phận riêng biệt theo Chuẩn mực số 28 "Báo cáo bộ phận".

Do vậy, Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh và khu vực địa lý.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.37. Thông tin về các bên có liên quan**

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	
1. Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Công ty mẹ	
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc	Nhân viên quản lý chủ chốt	
▪ Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:		
	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND

Phải thu

Công ty mẹ - Xem thêm mục 5.2	762.835.161	1.539.029.250
-------------------------------	-------------	---------------

▪ Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ như sau:

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND

Bán hàng:

Công ty mẹ - Xem thêm mục 5.23	3.258.616.430	4.153.242.310
--------------------------------	---------------	---------------

▪ Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và thu nhập của Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	649.031.903	624.593.222
Thu nhập của Giám đốc	289.856.408	262.048.269
Cộng	<u>938.888.311</u>	<u>886.641.491</u>

5.38. Các nghĩa vụ theo hợp đồng thuê tài chính

Công ty đang thuê máy in Flexo Sunrise 3 màu, máy in Flexo Sunrise 6 màu, máy đóng gấp dán tự động Buffalo Omega - 28 và máy cắt mẫu Esko Kongsber V24 với thời gian sử dụng ước tính theo hợp đồng thuê tài chính từ 3 năm đến 5 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Từ 1 năm đến 5 năm - Xem thêm mục 5.20	14.391.582.542	17.976.838.704

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Nghĩa vụ nợ được phân loại theo:

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	7.394.608.784	7.356.301.170
Dài hạn	6.996.973.758	10.620.537.534
Cộng	14.391.582.542	17.976.838.704

5.39. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

6. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 được Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 12 tháng 08 năm 2016.



TRẦN TRANG BÌNH

Chủ tịch HĐQT

Đồng Nai, ngày 12 tháng 08 năm 2016

NGUYỄN HOÀNG

Trưởng BP.Tài chính

TRẦN XUÂN ĐỊNH

Người lập

Phụ lục 1: Chi tiết số dư các khoản công nợ tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2016

1. Phải thu của khách hàng:

	<u>VND</u>
Công ty Liên Doanh Unilever Việt Nam	79.324.042.731
Công ty TNHH Nestle Việt Nam	10.657.894.522
Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan	10.423.530.568
Chi nhánh Công ty Pepsico Việt Nam tại Tỉnh Đồng Nai	9.682.128.826
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	6.647.947.799
Công ty Pepsico Việt Nam	6.535.554.593
Công ty TNHH Thế Giới Việt	5.047.299.884
Khác	115.562.863.445
Cộng	<u>243.881.262.368</u>

2. Phải trả người bán:

	<u>VND</u>
Công ty TNHH Giấy Chánh Dương	46.367.743.785
Công ty Cổ phần Giấy An Bình	21.269.381.650
Công ty TNHH Giấy Vina Kraft	16.664.386.750
Công ty TNHH Hiang Seng Fibre Container	6.214.166.957
Khác	36.590.215.264
Cộng	<u>127.105.894.406</u>